

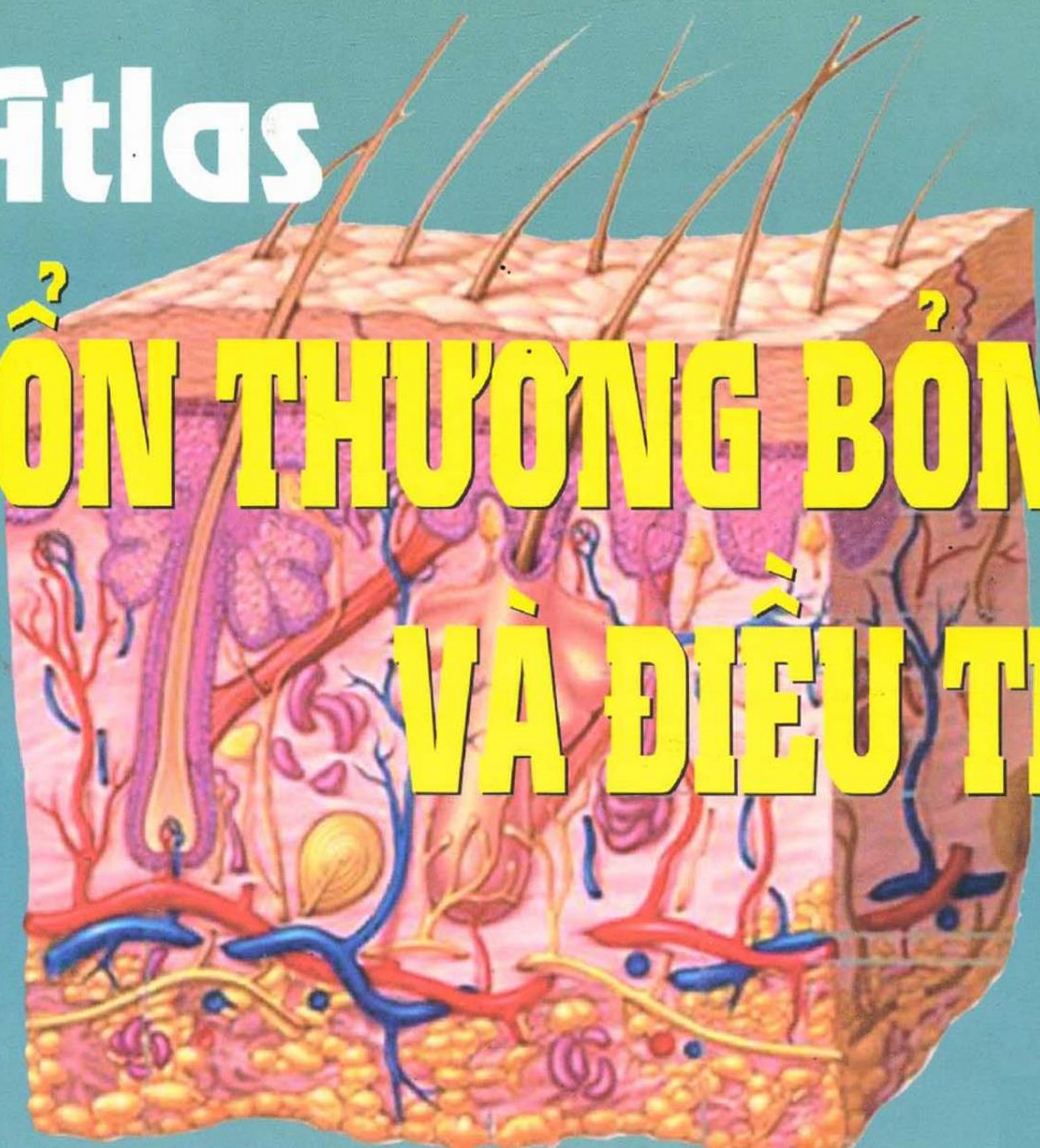


CK.0000075687

PGS.TS NGUYỄN NHƯ LÂM
TS. NGUYỄN VIỆT LƯỢNG

Atlas

TỖN THƯƠNG BÓNG VÀ ĐIỀU TRỊ



NGUYỄN
C LIỆU

(Tài liệu tham khảo dành cho đại học và sau đại học)



NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Nguyễn Như Lâm

Atlas tổn thương bỏng và điều trị / Nguyễn Như Lâm, Nguyễn Việt Lượng. - H. : Y học, 2014. - 136tr. : ảnh ; 27cm

1. Bỏng 2. Điều trị 3. Atlas
617.11 - dc23

YHF0016p-CIP

PGS. TS. Nguyễn Như Lâm
TS. Nguyễn Việt Lượng

ATLAS
TỔN THƯƠNG BỔNG
VÀ ĐIỀU TRỊ

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC
HÀ NỘI - 2014

LỜI GIỚI THIỆU

Trong nhiều năm làm công tác đào tạo, chúng tôi nhận thấy việc học tập về bông, đặc biệt trên lâm sàng liên quan rất nhiều tới các vấn đề thực quan. Làm thế nào để nhận biết được các loại hình tổn thương, tính chất tổn thương, các dấu hiệu của bông nông, bông sâu... nếu chỉ bằng mô tả lý thuyết sẽ gặp nhiều khó khăn, người học vẫn có thể nhầm lẫn khi thực hành trên lâm sàng. Chưa nói việc tổ chức thu dung điều trị, tổ chức cơ sở điều trị hay các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho điều trị bông cũng có những đặc thù riêng làm cho người học khó hình dung.

Với mong muốn có thêm một phương tiện hữu ích giúp học sinh bậc đại học và sau đại học chuyên ngành Bông và các chuyên ngành khác liên quan nắm bắt một cách dễ dàng hơn các kiến thức về bông và điều trị bông, đặc biệt đó là việc xác định tổn thương bông trên lâm sàng - một trong những vấn đề cơ bản và quan trọng nhất, các tác giả là các bác sỹ chuyên khoa bông có kinh nghiệm đồng thời là các giáo viên thuộc Bộ môn Bông đã biên soạn cuốn **“Atlas tổn thương bông và điều trị”**. Hy vọng cuốn sách sẽ giúp người học dễ học hơn, dễ nhớ hơn và dễ vận dụng hơn trong quá trình thực hành lâm sàng. Đây là sự cố gắng và nỗ lực của tập thể các giáo viên, các bác sỹ Bộ môn Bông, Học viện Quân y đặc biệt là của các tác giả. Cuốn sách có sử dụng một số tư liệu của các đồng nghiệp trong và ngoài nước. Do chưa có nhiều kinh nghiệm trong biên soạn, đặc biệt là với loại hình Atlas, chắc chắn cuốn sách còn có nhiều thiếu sót và hạn chế, mong bạn đọc đóng góp ý kiến để lần tái bản sau sẽ tốt hơn. Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc cuốn **“Atlas tổn thương bông và điều trị”**, đây là món quà có ý nghĩa cho những ai quan tâm và muốn học hỏi về chuyên ngành Bông - một chuyên ngành vốn được xem là khó khăn vất vả nhưng cũng đầy vinh quang.

Trân trọng cảm ơn!

PGS.TS. Nguyễn Gia Tiến
Giám đốc Viện Bông Quốc gia

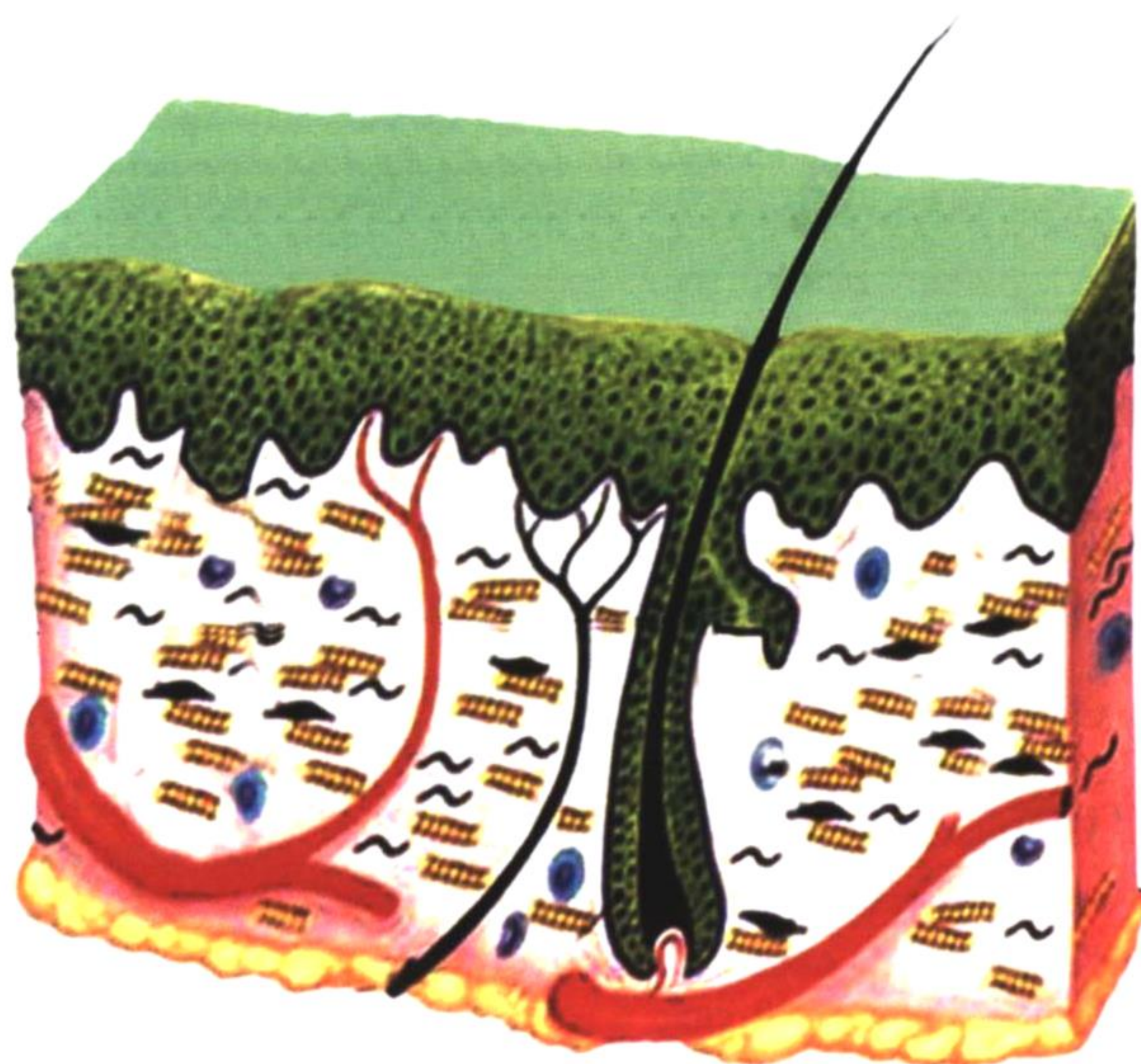
MỤC LỤC

| | |
|--|-----|
| LỜI GIỚI THIỆU | 3 |
| Chương I. Sinh lý bệnh tổn thương bỏng | 7 |
| Chương II. Các phương pháp tính diện tích bỏng | 15 |
| Chương III. Chẩn đoán độ sâu tổn thương bỏng | 21 |
| Chương IV. Tổn thương bỏng ở các vị trí đặc biệt | 43 |
| Chương V. Tổ chức Trung tâm điều trị bỏng | 57 |
| Chương VI. Cấp cứu và điều trị bỏng | 65 |
| Chương VII. Bỏng hô hấp và chăm sóc hô hấp trong bỏng | 73 |
| Chương VIII. Rạch hoại tử giải phóng chèn ép | 87 |
| Chương IX. Phẫu thuật điều trị bỏng | 93 |
| Chương X. Sẹo bỏng | 115 |
| Chương XI. Phục hồi chức năng bệnh nhân bỏng | 121 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 136 |

CHƯƠNG I

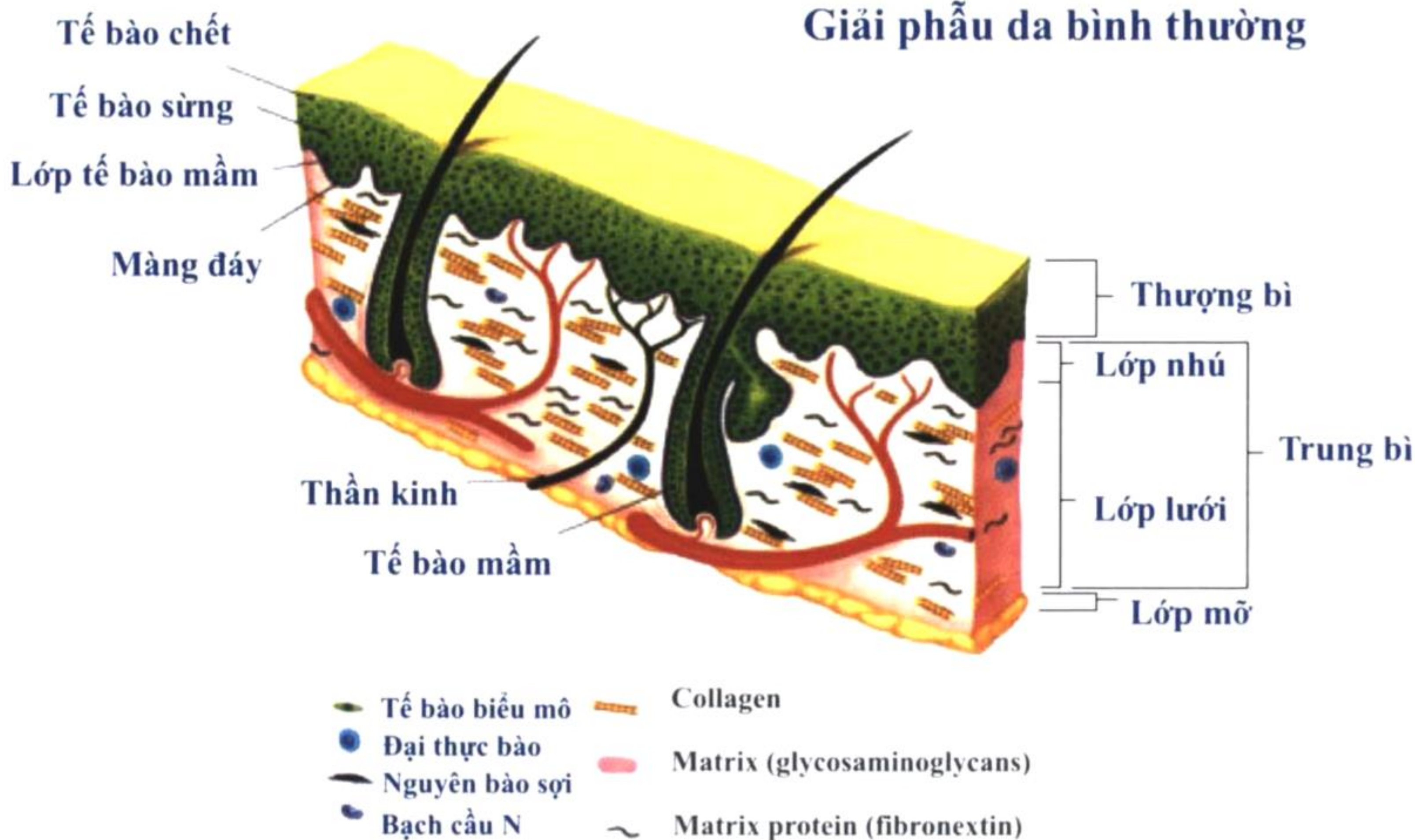
SINH LÝ BỆNH TỔN THƯƠNG BÔNG

CẤU TRÚC VÀ CHỨC NĂNG CỦA DA
CƠ CHẾ BỆNH SINH TỔN THƯƠNG BÔNG
THOÁT HUYẾT TƯƠNG VÀ PHÙ NÈ SAU BÔNG



CẤU TRÚC VÀ CHỨC NĂNG CỦA DA

Giải phẫu da bình thường



1.1. Đặc điểm của da

- Da là tạng có diện tích lớn nhất cơ thể: Sơ sinh 0,25m²; người lớn: 1,6 - 2 m².
- Da chiếm 4 - 6% (16 - 17,7% tính cả lớp mỡ dưới da) trọng lượng cơ thể.
- Da có cấu tạo 3 lớp: Thượng bì (biểu bì), trung bì và hạ bì.
- Lớp biểu bì da đổi mới định kỳ sau 4-6 tuần.
- Diện tích da được tính theo công thức:

$$\text{Diện tích da (m}^2\text{)} = [87 (H + W) - 2600] / 10\ 000$$

H: chiều cao tính theo cm

W: cân nặng tính theo kg

- 1 kg trọng lượng cơ thể tương ứng với 221cm² da.
- Diện tích da người lớn: 12.000-24.000cm², trung bình: 14.000-16.000cm².
- Da dày ở mặt sau thân, gan tay, gan chân (2,6 - 4,8mm), da rất mỏng ở mi mắt, cổ.
- Lớp trung bì dày hơn 6-10 lần lớp biểu bì.
- Diện tích da trẻ em: 1 tuổi: 3.000 cm²; 2 tuổi: 4.000 cm²; 3 tuổi: 5.000 cm²; 4 tuổi: 6.000 cm², 5-6 tuổi: 7.000 cm²; 7-8 tuổi: 8.000 cm², từ 9-15 tuổi x 1.000 cm².

| Lứa tuổi | Diện tích da cơ thể (cm ²) |
|------------|--|
| 0 - 1 tuổi | 3000 |
| 2 tuổi | 4000 |
| 3 tuổi | 5000 |
| 4 tuổi | 6000 |
| 5 - 6 tuổi | 7000 |
| 7 - 8 tuổi | 8000 |
| 9 tuổi* | 9000 |
| 10 tuổi | 10.000 |
| 11 tuổi | 11.000 |
| 12 tuổi | 12.000 |
| 13 tuổi | 13.000 |
| 14 tuổi | 14.000 |
| 15 tuổi | 15.000 |

*: Diện tích da tuổi từ 9 - 15 bằng số tuổi nhân với 1.000 cm²

1.2. Chức năng da

Thượng bì (biểu bì):

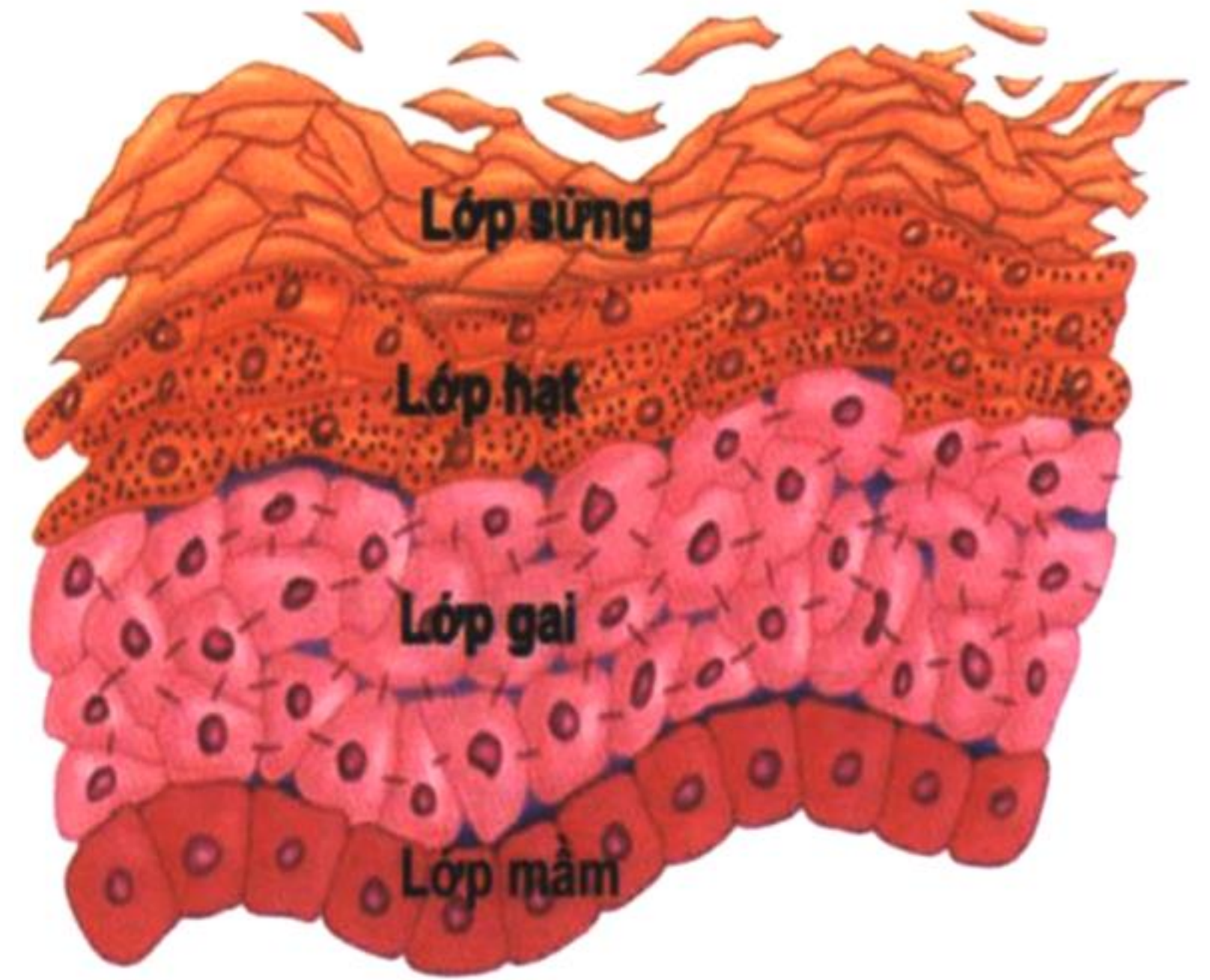
- Bảo vệ cơ thể, cách nhiệt, giữ nước. Khi mất biểu bì hiện tượng mất nước qua da tăng 10 - 20 lần.
- Nhận cảm giác, bảo vệ cho cơ thể.
- Thẩm mỹ (*màu da*), giúp tổng hợp vitamin D.

Trung bì:

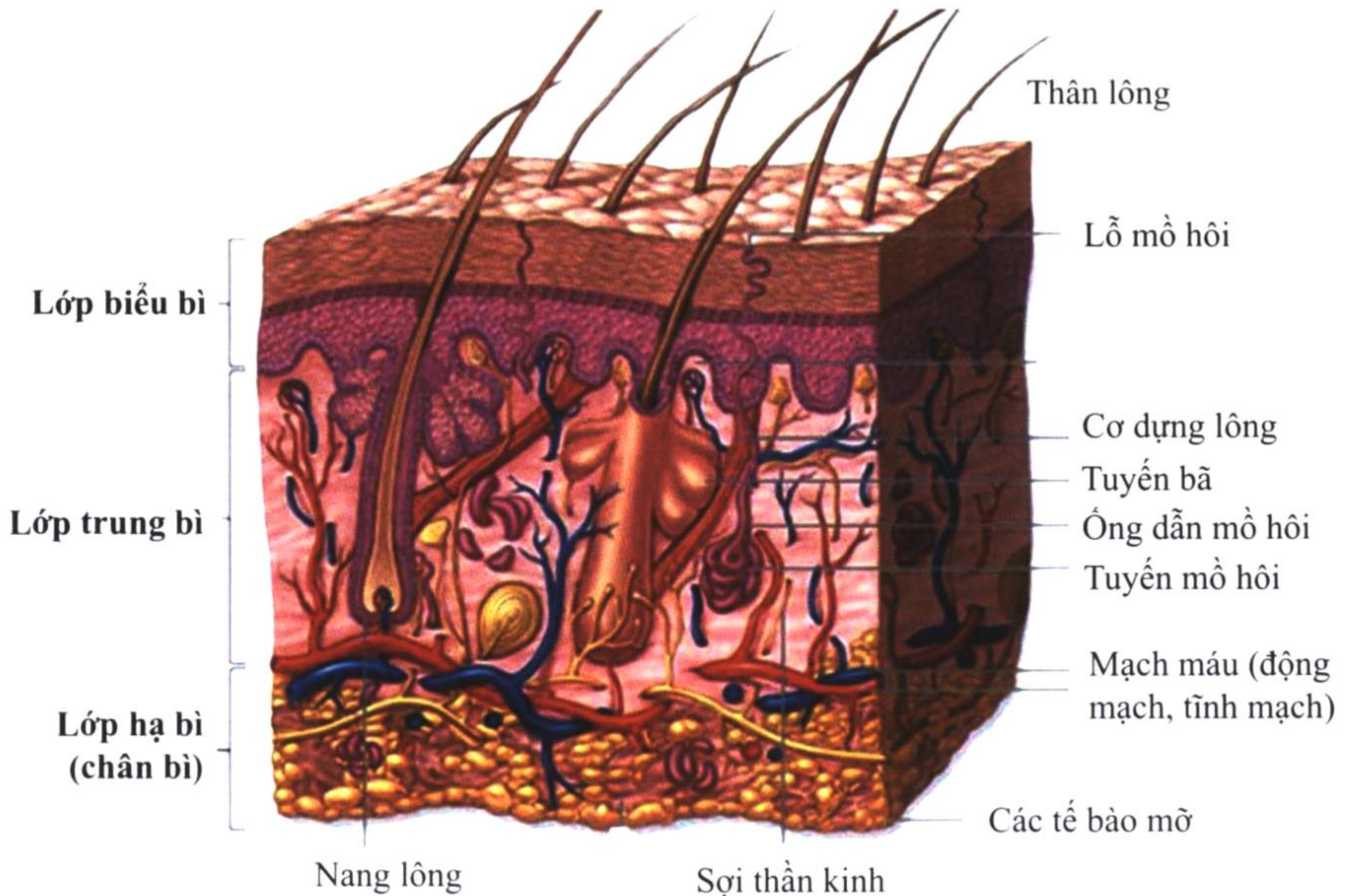
- Nuôi biểu bì qua lớp nhú, bài tiết mồ hôi, chất nhờn, đào thải chất bã và chất độc.
- Điều chỉnh thân nhiệt: mồ hôi, co giãn lưới mao mạch.
- Cảm giác: xúc giác, áp lực, rung, nhiệt, ngứa, đau.
- Đảm bảo tính đàn hồi của da.
- Hấp thụ thuốc vào cơ thể qua các ống tuyến, chân lông và lớp nhú.
- Biểu mô hoá nhờ các phần phụ của da.
- Hàng rào sinh học miễn dịch, các tế bào miễn dịch sinh tiết các men, cytokine
- Tham gia đáp ứng viêm

Hạ bì:

- Hệ thống mạch máu phong phú nuôi trung bì, giúp da di động trên cơ, gân và xương
- Hấp thụ thuốc, chất hoà tan, dự trữ năng lượng



Thượng bì da



Cấu trúc da